

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TIỀN HẢI

Văn phòng HĐND-UBND xã Tiên Hải

BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ NGÀNH TƯ PHÁP

- 1. Lĩnh vực Chứng thực.**
- 2. Lĩnh vực Hộ tịch.**
- 3. Lĩnh vực Nuôi con nuôi.**
- 4. Lĩnh vực Phổ biến giáo dục pháp luật.**
- 5. Lĩnh vực Bồi thường nhà nước.**

(Đính kèm các mã QR các trang kế tiếp để tra cứu nội dung thủ tục hành chính của từng lĩnh vực và nộp hồ sơ trực tuyến)

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP XÃ**

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	MÃ SỐ TTHC TRÊN CSDLQG	Mã QR	Ghi chú
12. NGÀNH TƯ PHÁP				
12.1.Lĩnh vực: Chứng thực				
1	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	2.001008		
2	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã	2.000992		
3	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	2.001009.000.00.00.H01		

4	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	2.001406.000.00.00.H01		
5	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	2.001016		
6	Thủ tục chứng thực di chúc	2.001019		
7	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	2.001035.000.00.00.H01		
8	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	2.000942.000.00.00.H01		
9	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	2.000927.000.00.00.H01		
10	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	2.000913.000.00.00.H01		
11	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực	2.000884		

	không thể ký, không thể điểm chỉ được)			
12	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	2.000815		
13	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	2.000908		
12.2. Lĩnh vực: Hộ tịch				
1	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	3.000322		
2	Đăng ký giám sát việc giám hộ	3.000323		
3	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	2.002516		

4	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	2.000748		
5	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	2.000554		
6	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	2.002189		
7	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	2.000547		
8	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	2.000779		
9	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	2.000497		
10	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	2.000522		

11	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	2.000513		
12	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	1.004827		
13	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	1.001695		
14	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	1.000893		
15	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	1.000893		
16	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	1.000094		
17	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	1.001669		

18	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	2.000756		
19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	2.000635		
20	Đăng ký lại khai tử	1.005461		
21	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	1.004746		
22	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	1.004772		
23	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	1.004884		
24	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	1.004873		

25	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	1. 2.000748		
26	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	1.004845		
27	Thủ tục đăng ký giám hộ	1.004837		
28	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1.004827		
29	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1.000080		
30	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1.000094		
31	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1.000110		

32	Thủ tục đăng ký khai tử	1.000656		
33	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	1.000689		
34	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	2.000779		
35	Thủ tục đăng ký kết hôn	1.000894		
36	Thủ tục đăng ký khai sinh	1.001193		
12.3. Lĩnh vực: Nuôi con nuôi				
1	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	2.002363		
2	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	2.002349		

3	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	2.001255		
4	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	2.001263		
5	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	1.003005		
12.4. Lĩnh vực: Phổ biến giáo dục pháp luật				
1	Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)	1.002211		
2	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	2.000950		
3	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	2.002080		
4	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	2.000424		

5	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	2.000930		
12.5. Lĩnh vực: Bồi thường Nhà nước				
1	Phục hồi danh dự	1.005462.000.00.00.H01		
2	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	2.002165		